

Bản án số: **34/2019/HSST**
Ngày 28-3-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Nhật Minh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Mỹ Hạnh – Nghề nghiệp: Giáo viên.
2. Bà Trịnh Thị Phương Châm – Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Yến Như – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 22/2019/HSST ngày 31 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 27/12/2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 332/46/1 Phan Văn Trị, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; Hiện không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Số CMND: 0792010214** do Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư cấp ngày 28/02/2017; Con ông Nguyễn L1 và bà Trần Ngọc L; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam ngày 20/11/2018; Có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Văn Đ: Bà Trần N L, sinh năm 1971 – mẹ ruột bị cáo; Địa chỉ: 332/46/1 Phan Văn Trị, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Trần Ngọc L, sinh năm 1971; Địa chỉ: 332/46/1 Phan Văn Trị, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Ông Trần Minh T, sinh năm 1992; Địa chỉ: 334A/B4 Phan Văn Trị, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Ông Bùi Ngọc T1, sinh năm 1996; Địa chỉ: 332/46/1 Phan Văn Trị, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Hoài A, sinh năm: 1963; Địa chỉ: 126/5 đường số 11, phường K, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ:* Luật sư Bùi Quang L - Luật sư của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn Đ và đối tượng Tony (không rõ lai lịch) là bạn quen biết trong quá trình chơi game. Khoảng 21 giờ ngày 20/11/2018, Tony đến tiệm internet trên đường Phan Văn Trị, quận Bình Thạnh, nhờ Đ đi giao ma túy cho đối tượng (không rõ lai lịch) tại công viên Hoàng Văn Thụ, quận Tân Bình, Tony sẽ cho Đ 400.000 đồng và không nói cho Đ biết giao ma túy để làm gì. Tony đưa cho Đ 01 hộp nhựa chứa ma túy và nói Đ đến công viên Hoàng Văn Thụ thì sẽ có người đến tìm Đ để lấy ma túy. Do không biết đường đến địa điểm nêu trên nên Đ đã nhờ Trần Minh T là bạn ngoài xã hội chở đi, T đồng ý và không biết việc Đ đi giao ma túy. T điều khiển xe mô tô hiệu Luvias biển kiểm soát 59X2-244.16 của Đ chở Đ đi đến công viên Hoàng Văn Thụ. Khoảng 22 giờ cùng ngày, khi cả hai lưu thông đến trước số 02 Trần Khắc Chân, phường Tân Định, Quận 1 thì bị tổ tuần tra thuộc đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an Quận 1 gồm các ông Trần Trung N1 và Phan Thanh H yêu cầu dừng xe để kiểm tra giấy tờ. Do không xuất trình được giấy tờ tùy thân nên tổ tuần tra đưa Đ và T về Công an phường Tân Định, Quận 1 để làm rõ. Tại đây, qua kiểm tra phát hiện trong túi quần bên phải phía trước của Đ có 01 hộp nhựa bên trong có 01 gói nylon chứa 05 gói nylon đựng chất bột màu trắng được hàn kín (Đ khai là ma túy được 01 người tên Tony nhờ đi giao dùm) nên Công an phường Tân Định, Quận 1 tiến hành bắt giữ Đ cùng vật chứng lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, sau đó chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 xử lý theo thẩm quyền (Bút lục 18). Riêng Trần Minh T xét thấy không biết việc Đ

đi giao ma túy cho khách nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đã trả tự do cho T.

Theo Kết luận giám định số 39/KLGD-H ngày 29/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì tinh thể không màu trong 05 gói nylon đựng trong 01 gói nylon (để trong 01 hộp nhựa) được niêm phong, bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn Đ và hình dấu Công an phường Tân Định, Quận 1, qua giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 1,0137 gram, loại Methamphetamine (Bút lục 82).

Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 1, Nguyễn Văn Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra, Đ khai không biết Tony nhờ giao ma túy cho ai cũng như mục đích giao ma túy để làm gì. Lời khai của Đ phù hợp các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập được.

Vật chứng vụ án: 01 gói niêm phong, bên trong có tổng trọng lượng 1,0137 gam ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine.

Thu giữ của Nguyễn Văn Đ số tiền 6.000.000 đồng, Đ khai là tiền của Bùi Ngọc T1 (anh họ Đ) nhờ Đ đem về cho ngoại đang nằm viện và 02 điện thoại di động hiệu Samsung.

- 01 xe mô tô biển số 59X2-244.16, qua xác minh do ông Nguyễn Hoài A đứng tên giấy đăng ký xe. Ông An khai đã bán xe cho bà Trần Ngọc L (mẹ ruột của Đ) vào tháng 11/2018 nhưng không làm thủ tục sang tên. Bà Lan khai không biết Đ lấy xe làm phương tiện phạm tội.

Bản cáo trạng số 34/CT-VKSQ1 ngày 29 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “ Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận nội dung và các tình tiết trong vụ án hoàn toàn phù hợp với nội dung bản cáo trạng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 2015 tuyên bố Nguyễn Văn Đ phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Khi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi và có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị xử phạt Nguyễn Văn Đ từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Đối với các vật chứng thu giữ của vụ án, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị cáo không bào chữa, không tranh luận. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Luật sư bào chữa cho bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo thống nhất về mặt tội danh và các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức án thấp nhất của khung hình phạt để xử phạt bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu và chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản đối chất; Bản kết luận giám định số 39/KLGD-H ngày 29/11/2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã đủ cơ sở kết luận: Vào lúc 22 giờ, ngày 20/11/2018 tại trước số 02 Trần Khắc Chân, phường Tân Định, Quận 1 bị cáo đã có hành vi cất giữ 1,0137 gram ma túy, loại Methamphetamin không nhằm mục đích mua bán hoặc sử dụng mà mục đích đến công viên Hoàng Văn Thụ giao cho đối tượng (không rõ lai lịch) để được trả công 400.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, tội phạm được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 2015 do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố các bị cáo như trên là có căn cứ, đúng pháp luật

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương và tiếp tay cho những phần tử xấu duy trì tệ nạn ma túy. Do khi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi nên áp dụng Điều 91 của Bộ luật hình sự về nguyên tắc xử lý đối với dưới 18 tuổi phạm tội để xử phạt bị cáo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận định, bị cáo tuy tuổi đời còn trẻ nhưng đã sớm có biểu hiện cho lối sống không lành mạnh, lêu lổng và sử dụng trái phép chất ma túy nên việc áp dụng các biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa mà việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là cần thiết.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình có xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu để xử phạt mức án đầu của khung hình phạt. Đồng thời do bị cáo là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên áp dụng không quá ba phần tư mức thời hạn tù của đầu khung hình phạt để xử phạt bị cáo để bị cáo cải tạo tốt, nhìn nhận được sai lầm, sớm trở thành người lương thiện, sống có ích, có trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội.

Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ đối tượng đã đưa ma túy cho bị cáo để giao cho đối tượng khác khi nào có đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, có cơ sở xác định Trần Minh T là đối tượng chở bị cáo đến công viên Hoàng Văn Thụ nhưng T không biết việc Đ đi giao ma túy cho khách nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý hình sự đối với Trần Minh T là có cơ sở.

Đối với tội phạm về ma túy, ngoài hình phạt chính lẽ ra bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là người dưới 18 tuổi, bản thân không có thu nhập và không có tài sản riêng do đó không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo. Đối với số tiền 400.000 đồng mà bị cáo được đối tượng Tony hứa trả công nhờ giao ma túy bị cáo chưa nhận được nên không buộc bị cáo nộp thu lợi bất chính.

[4] Xử lý vật chứng: Thu giữ của Nguyễn Văn Đ số tiền 6.000.000 đồng, Đ khai nguồn gốc số tiền trên của anh Bùi Ngọc T1 (là anh họ Đ) và được anh T1 xác nhận là nhờ Đ đem về cho ngoại đang nằm viện. Xét thấy số tiền trên không phải của bị cáo và không liên quan đến vụ án nên trả lại cho anh Bùi Ngọc T1. Đối với 02 điện thoại di động hiệu Samsung thu giữ của bị cáo, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 59X2-244.16 phương tiện trên hiện do ông Nguyễn Hoài A đứng tên tuy nhiên ông An và bà Trần Ngọc L là mẹ bị cáo cùng xác nhận tháng 11/2018 ông An đã bán xe cho bà Lan, ông An không tranh chấp gì về quyền sở hữu tài sản. Xét thấy, trước thời điểm bị cáo lấy xe máy trên để đi giao ma túy thì phương tiện trên do bà Lan quản lý sử dụng và hiện nay bà Lan đang giữ bản chính giấy tờ xe. Do đó có cơ sở trả lại xe máy trên cho bà Lan.

- Đối với số ma túy còn lại sau giám định là chất độc hại, tịch thu tiêu hủy.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ vào điểm c Khoản 1 Điều 250; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án. Thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 28/3/2019.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Trả lại cho anh Bùi Ngọc T1 số tiền 6.000.000 đồng; Trả lại cho bà Trần Ngọc L 01 xe gắn máy bảng số 59X2 – 244.16, số khung: RLCL44S10BY055710, số máy 44S1-055716; Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei: 359051/09/183304/6, số Imei: 359052/09/183304/4 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung số Imei: 353761080895972/01, số Imei: 353762080895970/01 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. (Phiếu nhập kho vật chứng số 04/19-PNK ngày 30/11/2018 của Công an Quận 1); Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong ghi vụ số 39/2019 (Phiếu nhập kho vật chứng số 25/19-PNK ngày 10/01/2019)

- Căn cứ vào Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Công an TP.HCM (PC 53 - Đ3);
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Công an Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Thi hành án hình sự Quận 1;
- Đương sự;
- Lưu VP - hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Nhật Minh